

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YANG MAO
BUÔN TUL**

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG BUÔN TUL
5 NĂM: 2008 – 2012**



Tháng 7 năm 2008

Mục lục

1. Đặt vấn đề	3
2. Đặc điểm tình hình buôn Tul	4
3. Mục tiêu của kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm.....	4
4. Tài nguyên rừng cộng đồng và khả năng cung cấp gỗ trong 5 năm	4
Phân chia lô rừng, đặt tên, trạng thái địa phương, xác định mục tiêu quản lý, đo đếm diện tích.....	4
Mô tả và phân tích tình hình các lô rừng	7
Đánh giá khả năng cung cấp gỗ của các lô rừng.....	7
5. Nhu cầu gỗ của cộng đồng Tul 5 năm và cân đối cung cầu.....	10
6. Kế hoạch quản lý rừng cộng đồng buôn Tul 5 năm 2008 – 2012	12
7. Tổ chức thực hiện và chia sẻ lợi ích trong cộng đồng.....	18
Phân công nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của kế hoạch quản lý rừng.....	18
Quyền lợi, chia sẻ lợi ích	18
Quản lý quỹ phát triển rừng cộng đồng	19
8. Kết luận, kiến nghị	20
Kết luận.....	20
Kiến nghị.....	20
9. Phụ lục.....	
Phụ lục 1: Tổng hợp số liệu các lô rừng.....	21
Phụ lục 2: Kết quả mô tả và phân tích các lô rừng.....	25

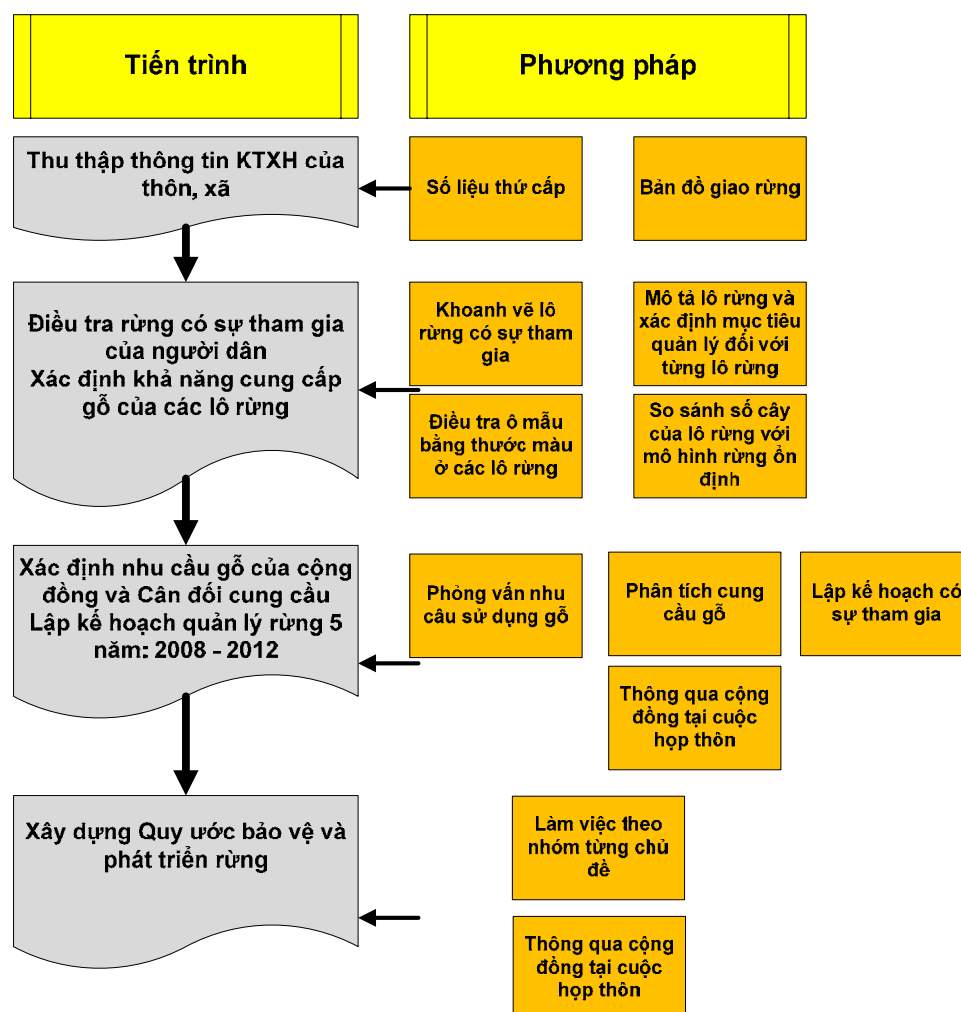
1. Đặt vấn đề

Để tiếp tục thử nghiệm nhằm đưa ra cơ chế hưởng lợi trong giao đất giao rừng, ngày 29/5/2008 UBND tỉnh Dak Lak đã có công văn số 2010/UBND-NL cho phép thử nghiệm mô hình cơ chế hưởng lợi trong giao rừng, trên cơ sở công văn số 325/SNNNT ngày 10/4/2008 của Sở NN & PTNT Dak Lak. Sau đó, để triển khai công văn của tỉnh, ngày 24/6/2008 UBND huyện Krông Bông đã tổ chức cuộc họp với các ban ngành của huyện, tỉnh và đại diện Dự án Phát triển nông thôn (RDDL/GTZ) để thống nhất các bước triển khai tại buôn Tul thuộc xã Yang Mao.

Trên cơ sở đó Dự án Phát Triển Nông Thôn Đắk Lắk (RDDL), từ ngày 06 - 14/7/2008, đã tập huấn cho tổ công tác và người dân buôn Tul và hỗ trợ triển khai lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng và xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng buôn Tul.

Kế hoạch quản lý rừng cộng đồng buôn Tul được xây dựng cho 5 năm: 2008 – 2012.

Phương pháp tiến hành dựa vào sự tham gia trực tiếp của cộng đồng dân cư thôn trong suốt tiến trình, đồng thời để người dân có thể tiếp cận được với phương pháp điều tra, giám sát tài nguyên và lập kế hoạch, phương pháp đo đếm số cây theo cấp kính màu đã được áp dụng và sử dụng mô hình rừng ổn định để so sánh, làm cơ sở xác định khả năng cung cấp của các lô rừng. Tiến trình và phương pháp lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng và xây dựng quy ước được mô tả trong sơ đồ sau. (Chương trình làm việc ở trong phụ lục)



Tiến trình và phương pháp lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng

Tiến trình lập kế hoạch, ngoài sự tham gia của người dân trong cộng đồng, còn được sự hỗ trợ nhóm giảng viên tư vấn (PGS.TS. Bảo Huy, TS. Võ Hùng, KS. Hoàng Trọng Khánh) và sự

tham gia của nhóm học viên lớp tập huấn quản lý rừng cộng đồng đến từ các cơ quan liên quan như Chi Cục Lâm nghiệp, phòng NN&PTNT huyện Krông Bông, Phòng Tài nguyên môi trường, Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, UBND xã Yang Mao và thành viên Ban quản lý rừng cộng đồng của buôn Tul. (Danh sách thành viên tham gia trong phụ lục)

2. Đặc điểm tình hình buôn Tul

Buôn Tul, thuộc xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Khu dân cư của buôn nằm gần trung tâm xã. Xã Yang Mao nằm cách trung tâm huyện Krông Bông 37 km về phía Đông Nam. Xã Yang có tổng diện tích là 40.172 ha gồm có 3 thôn và 8 buôn.

Buôn Tul hiện tại có 70 hộ gia đình, trong đó dân tộc thiểu số tại chỗ là người M'Nông có 61 hộ, dân tộc kinh 09 hộ. Toàn buôn có 462 nhân khẩu, trong đó nam 389 người; nữ 173 người. Số lao động chính là 227 người.



Họp dân lần 1 để phổ biến về Lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng

Canh tác của người dân trong buôn chủ yếu làm ruộng nước hai vụ và các loại cây nông nghiệp ngắn ngày khác, ruộng lúa phân bố dọc theo các suối gần buôn và một ít canh tác trên các nương rẫy cũ. Đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, sống phụ thuộc nhiều vào rừng. Trình độ văn hóa nhìn chung còn hạn chế.

Kết quả phân loại kinh tế hộ của buôn có 48 hộ nghèo chiếm đến 69%. Điều này cho thấy đời sống kinh tế của người dân rất khó khăn, nghèo đói. Đa số hộ nghèo đói có diện tích đất canh tác ít. Do vậy trong giao đất giao rừng và lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng sẽ là cơ sở để thu hút các hộ khó khăn, ít đất vào kinh doanh rừng và tạo ra thu nhập từ lâm nghiệp.

Trong buôn đã có 56 hộ đã mắc điện lưới quốc gia, song chủ yếu là để sinh hoạt, chưa sử dụng điện phục vụ cho sản xuất.

Hệ thống kênh mương thủy lợi trong sản xuất của buôn được bê tông hoá.

Nước sinh hoạt rất khó khăn đối với nhiều hộ, thường thiếu nước sạch để sinh hoạt vào mùa khô.

3. Mục tiêu của kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm

Kế hoạch quản lý rừng cộng đồng buôn Tul được xây dựng với các mục tiêu sau:

- Hỗ trợ cộng đồng quản lý bền vững 964 ha rừng và đất rừng tự nhiên
- Góp phần đảm bảo rừng ổn định, bảo vệ nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất
- Cung cấp sản phẩm rừng ổn định và từng bước góp phần cải thiện sinh kế của người dân trong thôn.

4. Tài nguyên rừng cộng đồng và khả năng cung cấp gỗ trong 5 năm

4.1 Phân chia lô rừng, đặt tên, trạng thái địa phương, xác định mục tiêu quản lý, đo đếm diện tích

Có 14 lô rừng thuộc tiểu khu 1204 đã được giao cho cộng đồng, các lô đã được người dân khoanh vẽ, đặt tên lô địa phương, xác định trạng thái theo tiếng địa phương, thiết lập mục tiêu

quản lý, đếm diện tích. Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của 14 lô là 964 ha. Các lô rừng nằm trong khu vực quy hoạch rừng sản xuất.

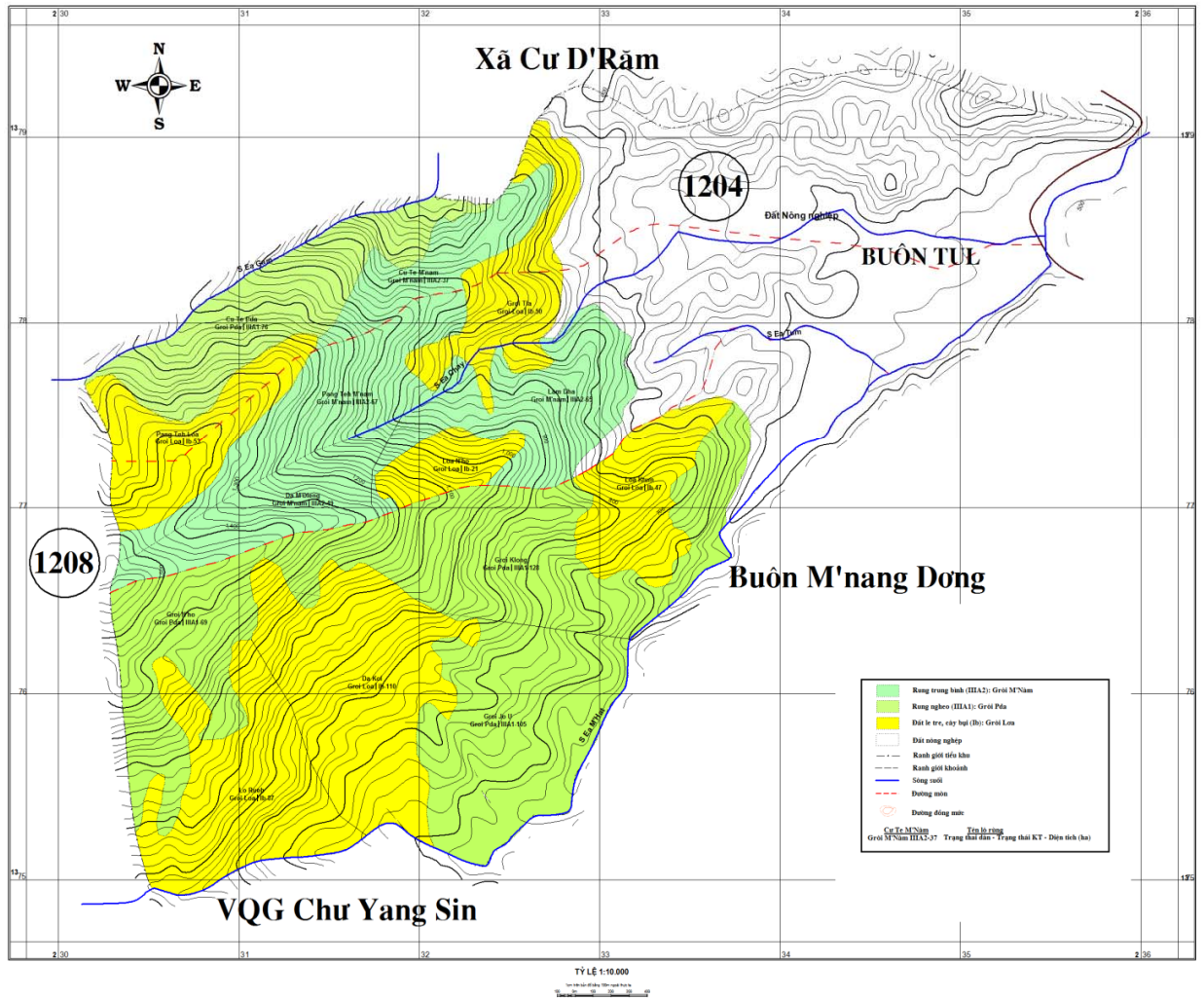
Diện tích và trạng thái rừng cộng đồng Buôn Tul

Stt	Trạng thái rừng		Số lô	Diện tích (ha)
	Kỹ thuật	Địa phương		
1	Trung bình - IIIA2	Grôi M'Nâm	4	218
2	Nghèo - IIIA1	Grôi Pda	4	378
3	Cây bụi, le - Ib	Grôi Lơa	6	368
	Tổng		14	964

Đặc điểm và mục tiêu quản lý các lô rừng cộng đồng Buôn Tul

STT	Tiểu khu	Tên lô địa phương	Trạng thái rừng		Diện tích (ha)	Mục tiêu quản lý của cộng đồng	Quy hoạch 3 loại rừng
			Kỹ thuật	Địa phương			
1	1240	Cư Tê M’nâm	IIIA2	Grôi M’Nâm	37	Lấy gỗ lớn và LSNG	Rừng sản xuất
2		Păng Teh M’Nâm	IIIA2	Grôi M’Nâm	67	Lấy gỗ lớn và LSNG	
3		Dă M’Diêng	IIIA2	Grôi M’Nâm	49	Lấy gỗ lớn và LSNG	
4		Lâm Dă	IIIA2	Grôi M’Nâm	65	Lấy gỗ lớn và LSNG	
5		Cư Tê Pda	IIIA1	Grôi Pda	76	Lấy gỗ lớn và LSNG	
6		Păng Teh Lơa	Ib	Grôi Lơa	53	Lấy gỗ lớn và LSNG	
7		Grôi Tlă	Ib	Grôi Lơa	50	Sản xuất gỗ nhỏ và vừa	
8		Lơa N’Hô	Ib	Grôi Lơa	21	Sản xuất gỗ nhỏ và vừa	
9		Grôi N’Hô	IIIA1	Grôi Pda	69	Lấy gỗ lớn và LSNG	
10		Grôi Klông	IIIA1	Grôi Pda	128	Lấy gỗ lớn và LSNG	
11		Lơa Ktum	Ib	Grôi Lơa	47	Sản xuất gỗ nhỏ và vừa	
12		Lở Reuh	Ib	Grôi Lơa	87	Sản xuất gỗ nhỏ và vừa	
13		Dă Koi	Ib	Grôi Lơa	110	Sản xuất gỗ nhỏ và vừa	
14		Grôi Jơ U	IIIA1	Grôi Pda	105	Giữ nước đầu nguồn	
Tổng diện tích					964		

BẢN ĐỒ RỪNG CỘNG ĐỒNG BUÔN TUL XÃ YANG MAO - HUYỆN KRÔNG BÔNG - TỈNH ĐẮK LẮK



Mô tả và phân tích tình hình các lô rừng

14 lô rừng được mô tả, trong đó có 4 lô ở trạng thái IIIA₂ (Grôi M'Nâm) gồm: Cù Tê M'Nâm, Păng Teh M'Nâm, Dã M'Diêng, Lâm Dã; 4 lô có trạng thái IIIA₁ (Grôi Pđa) là: Cù Tê Pđa, Grôi N'Hô, Grôi Klông và Grôi Jơ ư; 6 lô có trạng thái Ic xen le, tre nứa (Grôi Lơ) là: Grôi Tlă, Păng Teh Lơ, Lơ N'Hô, Lơ Ktum, Dã Koi và lô Lồ Ruch. Cùng với mô tả lô, việc phân tích các khó khăn, cơ hội và giải pháp đã được thực hiện đối với mỗi lô rừng. Kết quả được trình bày ở phần phụ lục.



Người dân tham gia mô tả lô rừng và thảo luận mục tiêu quản lý cho từng lô

cho cộng đồng, qua thảo luận mô tả lô rừng, xác định có 4 lô có khả năng cung cấp gỗ trong 5 năm đến là Cù Tê M'Nâm, Păng Teh M'Nâm, Dã M'Diêng và Lâm Dã, do đó đã tiến hành tổ chức điều tra tài nguyên trên 4 lô này. Phương pháp điều tra rừng có sự tham gia của người dân đã được tiến hành, tài nguyên cây gỗ được đánh giá thông qua các ô mẫu điều tra là 500m² cho từng lô, người dân được hướng dẫn đếm số cây theo cấp kính màu được xác định theo mô hình rừng ổn định. Trên cơ sở đó xác định được số cây theo cấp kính màu trên ha và lô cho 4 lô rừng đưa vào khai thác sử dụng trong 5 năm đến.

Cấp kính màu

Vàng	Kẻ sọc	Chấm	Sóng
10 - 20cm	21 - 30cm	31 - 40cm	> 40cm

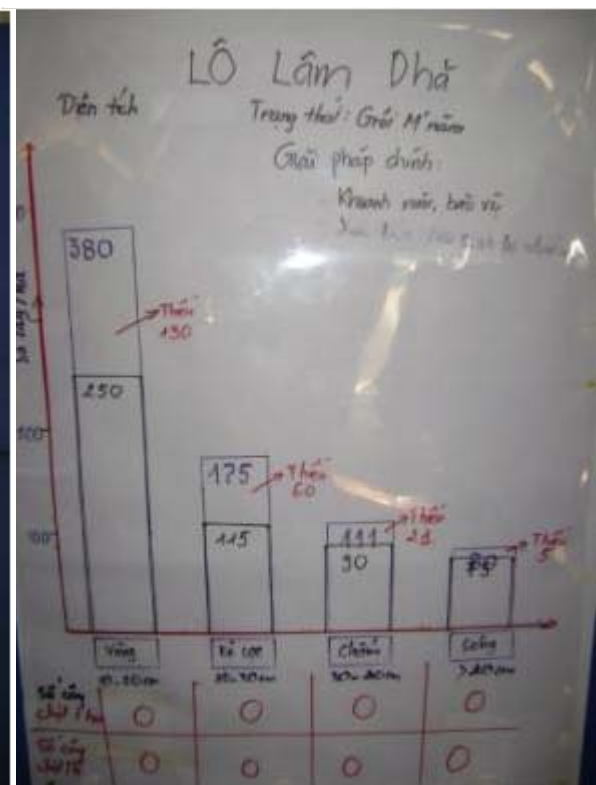
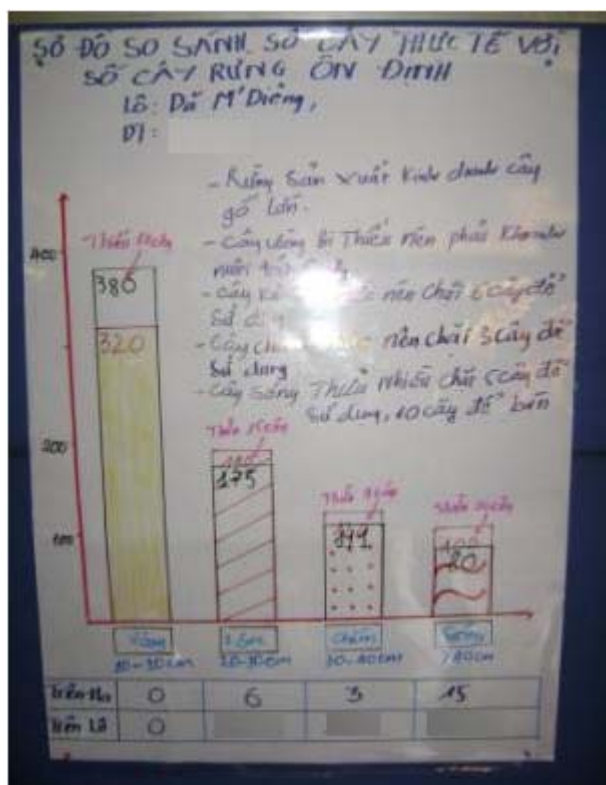
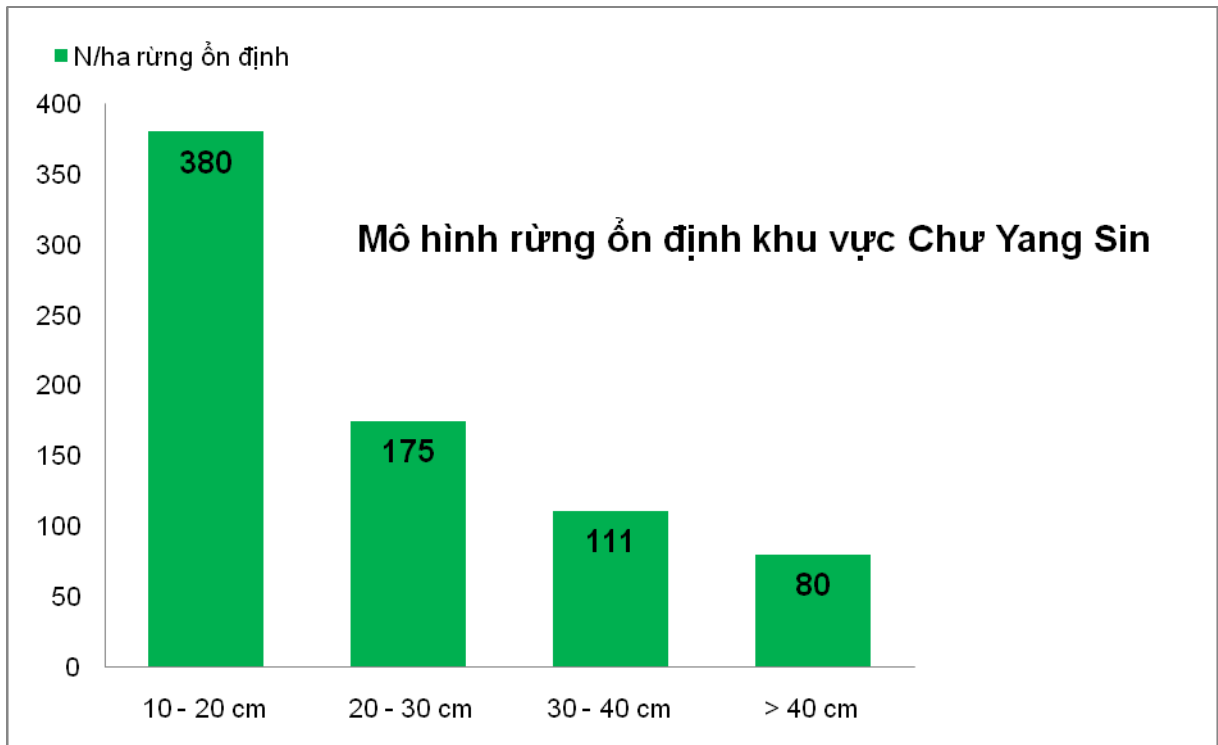
Trong tổng số 14 lô rừng giao

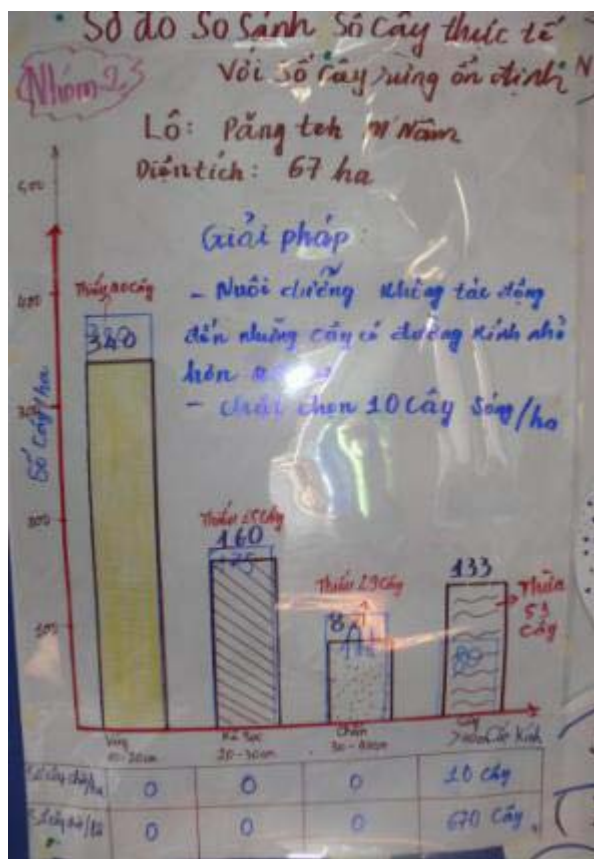
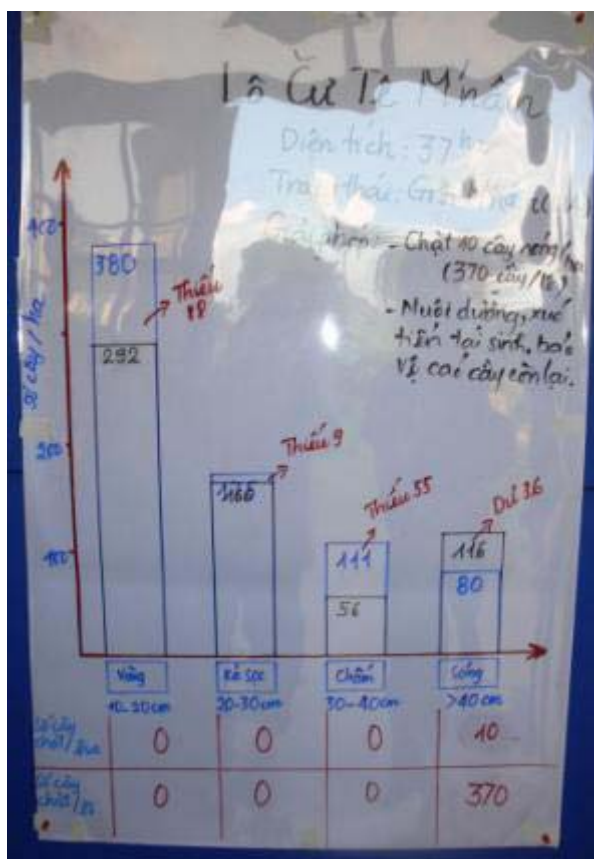


Kết quả tổng hợp số cây theo cấp kính màu của 4 lô rừng

Stt	Tên lô	Diện tích lô (ha)	Số cây trên ha	Số cây theo cấp kính màu/ha				Số cây trên lô	Số cây theo cấp kính màu/lô			
				Vàng	Kẻ sọc	Chấm	Sóng		Vàng	Kẻ sọc	Chấm	Sóng
1	Cù Tê M'Nâm	37	630	292	166	56	116	23,310	10,804	6,142	2,072	4,292
2	Păng Teh M'Nâm	67	715	340	160	82	133	47,905	22,780	10,720	5,494	8,911
3	Dã M'Diêng	49	730	320	190	120	100	35,770	15,680	9,310	5,880	4,900
4	Lâm Dã	65	530	250	115	90	75	34,450	16,250	7,475	5,850	4,875

Sơ đồ số cây/ha theo cấp kính màu của mỗi lô được so sánh với mô hình rừng ổn định để xác định khả năng cung cấp gỗ của các lô rừng này trong vòng 5 năm. Mô hình rừng ổn định là mô hình số cây theo cấp kính bảo đảm sự ổn định của rừng trong quá trình quản lý, do vậy số cây/ha của lô rừng được so sánh với mô hình rừng ổn định nhằm xác định số cây có khả năng khai thác ở mỗi cấp kính màu nhưng vẫn bảo đảm sự ổn định của rừng. Như vậy ở từng cấp kính màu, nếu số cây thực tế/ha của lô rừng lớn hơn số cây của mô hình ổn định thì được phép khai thác số cây dư ra, ngược lại thì cần phải nuôi dưỡng, không được phép khai thác. Ngoài ra còn cân nhắc để bù trừ số cây thiếu hụt ở các cấp kính bằng cách giảm số cây khai thác ở các cấp kính dư.





Sơ đồ số cây theo cấp kính màu của từng lô rừng được so sánh với mô hình rừng ổn định để xác định khả năng cung cấp gỗ trong 5 năm

Trên cơ sở so sánh số cây theo cấp kính màu với mô hình rừng ổn định, xác định được số cây cung cấp/ha và số cây cung cấp/lô rừng, người dân trong thôn cũng đã thảo luận cùng với sự tư vấn hỗ trợ về mặt kỹ thuật để định hướng một số giải pháp kỹ thuật lâm sinh trong quản lý đối với từng lô rừng cụ thể. Kết quả cho thấy trong 4 lô rừng đánh giá, có 3 lô có khả năng cung cấp gỗ trong 5 năm đến là Cư Tế M'Nâm, Păng Teh M'Nâm và Dã M'Diêng, và 1 lô rừng chưa bảo đảm số cây theo mô hình rừng ổn định do đó cần nuôi dưỡng là Lâm Dha.

Số lượng cây có thể cung cấp của 3 lô rừng trong 5 năm và giải pháp đề xuất cho mỗi lô

Lô rừng	Diện tích (ha)	Giải pháp chung	Cấp kính màu	Số cây /ha	Số cây cung cấp/ha	Số cây cung cấp/lô
Cư Tế M'Nâm	37	- Chặt chọn 10 cây sồng/ha đúng kỹ thuật, giữ cây gieo giống - Nuôi dưỡng rừng, xúc tiến tái sinh, bảo vệ các cây còn lại.	Vàng	292	0	0
			Kẻ sọc	166	0	0
			Chấm	56	0	0
			Sóng	116	10	370
Păng Teh M'Nâm	67	- Chặt chọn 10 cây sồng/ha đúng kỹ thuật, giữ cây gieo giống - Nuôi dưỡng rừng	Vàng	300	0	0
			Kẻ sọc	160	0	0
			Chấm	82	0	0
			Sóng	133	10	670
Dăng MDiêng	49	- Chặt chọn ở 3 cấp kính kẻ sọc, chấm và sồng - Nuôi dưỡng rừng	Vàng	320	0	0
			Kẻ sọc	190	6	294
			Chấm	120	3	147
			Sóng	100	15	735
Tổng	153		Vàng			0
			Kẻ sọc			294
			Chấm			147
			Sóng			1775

5. Nhu cầu gỗ của cộng đồng Tul 5 năm và cân đối cung cầu



Người dân tham gia đánh giá nhu cầu lâm sản

Kết quả đánh giá nhu cầu sử dụng gỗ trong cộng đồng, cho thấy người dân có các nhu cầu gỗ cho làm nhà, bếp, chòi chứa lúa, chuồng trại, nhà mã, hòm, ...

Nhóm nông dân đại diện cùng nhóm cán bộ kỹ thuật thúc đẩy đã thảo luận và xác định nhu cầu sử dụng lâm sản cho gia dụng của thôn trong 5 năm.

Nhu cầu gỗ của buôn Tul trong 5 năm 2008 – 2012

Nhu cầu của từng lâm sản	Cấp kính màu	Nhu cầu cho 1 loại sản phẩm	Tổng nhu cầu gỗ buôn/năm	Tổng nhu cầu gỗ buôn/ 5 năm	Ghi chú
Làm nhà ở	Chấm	4	12	60	Mỗi năm làm mới 3 cái
	Sóng	5	15	75	

Làm nhà bếp	Vàng	10	30	150	Mỗi năm làm mới 3 cái
	Kẻ sọc	4	12	60	
	Chấm	2	6	30	
Làm chòi trên rẫy	Vàng	8	80	400	Mỗi năm làm mới 10 cái
Làm chuồng bò	Vàng	19	76	380	Mỗi năm làm mới 4 cái
Làm chuồng heo	Vàng	6	30	150	Mỗi năm làm mới 5 cái
Làm nhà mả	Vàng	4		4	Phục vụ chung cả buôn
	Kẻ sọc	1		1	
Làm hòm	Sóng	1		3	3 hòm trong 5 năm
Làm Pan	Sóng	1		1	5 năm làm mới 1 cái
Tổng cộng	Vàng			1084	
	Kẻ sọc			61	
	Chấm			90	
	Sóng			79	

Chú thích:

- Gõ làm nhà: Thông, Giỏi, Dẻ
- Hòm: Giỏi

Nhu cầu gỗ chi tiết cho 1 nhà trung bình:

Kết cấu nhà	Số lượng	Cấp kính màu		
		Màu	Số lượng	Dài (m)
Cột chính 5m	8	Chấm	4	6 – 13
Xà ngang	12	Sóng	1	10 – 12
Xà dọc 8m	8	Sóng	0.5	10 – 12
Kèo 4,5m	8	Sóng	0.5	10 – 12
Đà dưới sàn & đà vách 2,5m	48	Sóng	0.5	10 – 12
Ván đóng sàn 5m	100	Sóng	1	10 – 12
Ván đóng vách 2,5m	250	Sóng	1	10 – 12
Đòn tay dài 2,5m	42	Sóng	0.5	10 – 12
Cửa và các phần phụ	Tận dụng	Sóng		
Tổng số cây		Chấm	4	
		Sóng	5	

Từ kết quả so sánh số cây theo cấp kính màu của 4 lô rừng với mô hình rừng ổn định, đã xác định số cây có khả năng cung cấp của 3 lô rừng trong 5 năm đến, gồm: Cư Tê M'Nâm, Păng Teh M'Nâm, Dã M'Diêng và dựa vào kết quả đánh giá nhu cầu gỗ của cộng đồng trong 5 năm, tiến hành so sánh và cân đối cung - cầu gỗ của thôn.

Cân đối cung cầu gỗ buôn Tul 5 năm: Từ 2008 – 2012

Lô rừng	Số cây cung cấp theo cấp kính màu trong 5 năm			
	Vàng (10-20 cm)	Kẻ sọc (20-30 cm)	Chấm (30-40 cm)	Sóng (>40 cm)
Cư Tê M'Nâm	0	0	0	370
Păng Teh M'nâm	0	0	0	670
Dã M'Diêng	0	294	147	735
Tổng khả năng cung cấp của 3 lô rừng trong 5 năm	0	294	147	1775
Tổng nhu cầu sử dụng gỗ gia dụng trong 5 năm của buôn	1084	61	90	79
Cân đối cung cầu	Thiếu 1.084	Dư 233	Dư 57	Dư 1696
Khai thác gỗ để sử dụng trong 5 năm	0	294 (61 + 233 (Thay cho 466 cây vàng))	147 (90 + 57 (Thay cho 228 cây vàng))	99 (79 + 20 (Thay cho 390 cây vàng))
Khai thác gỗ thương mại trong 5 năm	0	0	0	1676
Trung bình khai thác gỗ để sử dụng trong 1 năm	0	59	30	20
Trung bình khai thác gỗ thương mại trong 1 năm	0	0	0	335

Ghi chú:

- 1 cây sọc thay thế 2 cây vàng
- 1 cây chấm thay thế 4 cây vàng
- 1 cây sóng thay thế 20 cây vàng

Kết quả cân đối cung cầu gỗ cho thấy cây ở cấp kính vàng thiếu ở tất cả các lô, 3 cấp kính kẻ sọc, chấm, sóng có cây cho phép khai thác khi so sánh với mô hình rừng ổn định, trong đó hầu hết các lô đều dư cây ở cấp kính sóng, chứng tỏ rừng ở đây khá thành thực. Khả năng cung cấp của 3 lô rừng trên bảo đảm nhu cầu gỗ gia dụng và dư ra để khai thác thương mại cho cộng đồng trong 5 năm đến. Tuy nhiên trong sử dụng, cộng đồng cần phải chuyển đổi việc dùng cây Kẻ sọc, Chấm, Sóng thay cho cây vàng vì số cây vàng thiếu. Khai thác gỗ thương mại nên lấy ra số cây sóng mà khả năng các lô rừng cung cấp sau khi đã đáp ứng đủ nhu cầu của cộng đồng, tránh lãng phí do cây quá thành thực và tạo điều kiện cho sinh trưởng của các lớp cây tái sinh và cây kế cận còn thiếu của rừng.

6. Kế hoạch quản lý rừng cộng đồng buôn Tul 5 năm 2008 – 2012

Kế hoạch quản lý rừng 5 năm của cộng đồng được xây dựng dựa trên cơ sở kết quả thảo luận trước đó, bao gồm:

- Mục tiêu quản lý các lô rừng, trong đó có phân tích những vấn đề/ khó khăn, thuận lợi/ cơ hội, giải pháp cụ thể đối với từng lô.
- Sơ đồ so sánh số cây theo cây kính màu của từng lô rừng với mô hình rừng ổn định để xác định khả năng cung cấp gỗ trong 5 năm đến và phân tích các giải pháp cho từng lô.
- Kết quả đánh giá nhu cầu gỗ của cộng đồng và cân đối cung – cầu lâm sản của thôn trong 5 năm.

Kế hoạch được xây dựng theo các giải pháp:

- Bảo vệ rừng
- Phát triển rừng: Bao gồm trồng mới và làm giàu rừng
- Khai thác sử dụng rừng: Bao gồm khai thác gỗ gia dụng và khai thác gỗ thương mại.

Kế hoạch bảo vệ rừng tập trung vào việc tổ chức và triển khai cộng đồng bảo vệ 14 lô rừng và xây dựng các bảng biểu, quy ước bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng

Kế hoạch phát triển rừng bao gồm việc trồng mới ở một số lô đất trống, loài cây trồng được lựa chọn là Keo và làm giàu rừng bằng cây bản địa Thông, Sao đen ở các lô rừng nghèo, sau khai thác. Bình quân mỗi năm trồng rừng mới 10 – 15 ha và làm giàu rừng với khoảng 1.500 cây.

Trong kế hoạch khai thác sử dụng rừng có 3 lô rừng được đưa vào chặt chọn trong 5 năm đến (2008 – 2012). Số lượng cây chặt chọn theo cấp kính màu được xác định trên cơ sở bảo đảm nhu cầu sử dụng của cộng đồng trong 5 năm 2008 – 2012, số dư cộng đồng được phép khai thác nhằm tạo quỹ phát triển rừng cộng đồng và chia sẻ lợi ích từ rừng cho các hộ gia đình.



Họp thôn thông qua kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm

Số cây khai thác để sử dụng trong buôn trong 5 năm đến được thực hiện trên 3 lô rừng là Cư Tê M'Nâm, Păng Teh M'Nâm và Dă M'Diêng; mỗi năm bình quân khai thác để sử dụng 59 cây kẻ sọc (20 – 30cm), 30 cây chắm (30 – 40cm) và 20 cây sóng (> 40cm). Hàng năm cộng đồng bình chọn khoảng 3 hộ làm nhà mới, các hộ được bình chọn làm đơn xin phép khai thác gỗ, ban quản lý rừng cộng đồng và UBND xã phê duyệt và hộ tự tổ chức khai thác trong năm đó với sự giám sát của ban quản lý rừng cộng đồng và kiểm lâm địa bàn.

Trong 5 năm đến gỗ thương mại được khai thác trên 3 lô rừng Cư Tê M'Nâm, Păng Teh M'Nâm và Dă M'Diêng, cây khai thác là cây Sóng (>40cm), tổng số cây Sóng khai thác thương mại trong 5 năm là 1675 cây. Kế hoạch khai thác gỗ thương mại được phân chia làm 2 lần:

- Lần 1 trong năm 2008 với 940 cây Sóng ở 2 lô rừng Cư Tê M'Nâm, Păng Teh M'Nâm
- Lần 2 trong năm 2011 với 735 cây Sóng ở lô rừng Dă M'Diêng

Việc khai thác gỗ thương mại được tổ chức chung trong cộng đồng với sự hỗ trợ kỹ thuật của dự án Phát triển nông thôn và tổ công tác của huyện Krông Bông. Tiền thu được được bán gỗ thương mại sẽ được phân chia theo cơ chế hưởng lợi được nêu trong Quy ước bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.

Biểu 01: KẾ HOẠCH BẢO VỆ RỪNG CỘNG ĐỒNG BUÔN TUL

STT	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Tên lô/Vị trí	Thời gian thực hiện kế hoạch					Tài chính	
				2008	2009	2010	2011	2012	Ngân sách (đ)	Nguồn
1	- Thành lập tổ bảo vệ rừng - Tuần tra bảo vệ rừng	- Lập thành 05 tổ; mỗi tổ 10 thành viên trong đó có 1 tổ trưởng và 1 tổ phó - Mỗi tháng tuần tra 2 lần trong các lô dưới sự phân công của trưởng hoặc phó ban quản lý rừng cộng đồng - Mỗi lần đi tuần tra 10 người chia làm 2 nhóm đi 2 đường	Trên tất cả 14 lô rừng	x	x	x	x	x	- 300.000/1 đợt - Có sổ chấm công để sau này có quỹ của buôn trả tiền công cho việc bảo vệ rừng (tiền công được trả phải bằng hoặc hơn ngày công lao động địa phương)	Quỹ phát triển rừng cộng đồng
2	Lập bảng PCCCR (Cấm lửa)	- Làm 2 bảng tôn: 30cm x 40 cm - Đặt ở những nơi cao, dễ nhìn	Đặt ở đầu đường vào các lô Grôi Tlă; lô Loạ Ktum	x					100.000 x 2 = 200.000đ	Hỗ trợ của Dự Án RDDDL Hoặc Quỹ phát triển rừng cộng đồng
3	Bảng hiệu rừng cộng đồng Buôn Tul Bản đồ rừng cộng đồng	- Làm bảng bê tông 84cm x 120cm; có 2 chân trụ cao khoảng 1,5m: 2 bảng (1 bảng hiệu và 1 bản đồ)	Đặt tại ngã tư gần buôn đường đi vào thác		x				5.000.000 x 2 = 10.000.000đ	Hỗ trợ của Dự Án RDDDL Hoặc Quỹ phát triển rừng cộng đồng
4	Bảng Quy ước Quản lý bảo vệ rừng	- Đặt 1 bảng tôn ở đầu buôn, 02 trụ cao 3 m; diện tích: 1,5m x 2m - 1 bảng Mica cùng quy cách bảng tôn đặt trong nhà cộng đồng		x					2.000.000đ	Hỗ trợ của Dự Án RDDDL Hoặc Quỹ phát triển rừng cộng đồng
5	Tuyên truyền	- Bảng loa: Có sự kết hợp của UBND xã và Hạt kiểm lâm - Hợp dân: Kết hợp với các cuộc họp của Buôn		x	x	x	x	x	100.000đ/tháng	Quỹ phát triển rừng cộng đồng

Ghi chú: Khi đã có quỹ phát triển rừng cộng đồng của Buôn sẽ mua một số dụng cụ đi rừng: Văng; áo mưa; giày; ...

Biểu 02: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN RỪNG BUÔN TUL

STT	Tiểu khu	Khoảnh	Lô rừng	Diện tích (ha)	Năm thực hiện kế hoạch					Mô tả hoạt động	Tài chính	
					2008	2009	2010	2011	2012		Ngân sách	Nguồn
1) Trồng mới rừng Keo lá tràm												
	1204		Grôi Tlă	25		10		15		Trồng Keo lá tràm, mật độ 1666 cây / ha.	Sử dụng quỹ phát triển rừng cộng đồng để mua giống, phân bón hoặc lồng ghép với các chương trình dự án của nhà nước	
			Lơa Ktum	25			10		15			
Tổng diện tích trồng rừng mới				50	0	10	10	15	15	Phân chia trồng theo hộ gia đình		
2) Làm giàu rừng bằng cây bản địa Thông và Sao đen												
	1204		Cư Tê M’Nâm	37		555 cây				Trồng dặm 2 loài cây bản địa là Thông và Sao đen vào các khoảng trống trong rừng sau chặt chọn, trung bình 15 cây/ha	Hộ gia đình đóng góp công lao động: Phát dọn thực bì, đào hố, trồng rừng, làm giàu rừng, chăm sóc rừng.	
			Păng Teh M’Nâm	67		1005 cây						
Tổng diện tích/số cây làm giàu rừng				104		1560 cây				Tổ chức trồng theo tổ.		

Biểu 03: KẾ HOẠCH KHAI THÁC GỖ GIA DỤNG BUÔN TUL GIAI ĐOẠN 2008 - 2012

Hoạt động	Mô tả hoạt động	Tiểu khu	Lô rừng	Diện tích lô (ha)	Cấp kính màu	Số lượng chặt 5 năm	Số cây chặt theo năm					Tài chính	
							2008	2009	2010	2011	2012	Ngân sách	Nguồn
Chặt chọn	Hộ gia đình được cộng đồng bình chọn khai thác gỗ làm nhà, sử dụng hàng năm. Mỗi năm 3 hộ được bình chọn khai thác gỗ làm nhà Hộ gia đình làm đơn, ban quản lý rừng cộng đồng và UBND xã phê duyệt hàng năm. Hộ tự tổ chức khai thác trong năm với sự giám sát của Ban quản lý rừng cộng đồng và kiểm lâm địa bàn	1204	Cư Tê M'Nâm	37	Sóng	20	20					Hộ gia đình tự tổ chức khai thác	
			Păng Teh M'Nâm	67	Sóng	80	0	20	20	20	20		
			Dã M'Diêng	49	Sọc	295	59	59	59	59	59		
					Chấm	150	30	30	30	30	30		
Tổng số cây khai thác sử dụng					Sọc	295	59	59	59	59	59		
					Chấm	150	30	30	30	30	30		
					Sóng	100	20	20	20	20	20		

Biểu 04: KẾ HOẠCH KHAI THÁC GỖ THƯƠNG MẠI BUÔN TUL GIAI ĐOẠN 2008 - 2012

Hoạt động	Mô tả hoạt động	Tiểu khu	Lô rừng	Diện tích lô (ha)	Cấp kính màu	Số lượng chặt 5 năm	Số cây chặt theo năm					Tài chính	
							2008	2009	2010	2011	2012	Ngân sách	Nguồn
Chặt chọn	Ban quản lý rừng cộng đồng tổ chức bài cây theo kỹ thuật lâm sinh, đánh dấu sơn, số hiệu cây.	1204	Cư Tê M'Nâm	37	Sóng	350	350					Cộng đồng tổ chức với sự hỗ trợ kỹ thuật của tư vấn dự án Phát triển nông thôn	
	Păng Teh M'Nâm		67	Sóng	590	590							
	Dă M'Diêng		49	Sóng	735				735				
	Lập hồ sơ khai thác gỗ để được cấp giấy phép khai thác.												Ban quản lý rừng cộng đồng chăm công và trả chi phí cho người dân tham gia từ tiền bán gỗ.
	Hợp đồng chặt hạ, kéo gỗ												Tiền hợp đồng chặt hạ và vận xuất gỗ được lấy từ tiền bán gỗ
	Cộng đồng tổ chức giám sát, vệ sinh rừng.												
	Cộng đồng lập danh sách gỗ và hạt kiểm lâm đóng búa.												
	Ban quản lý rừng cộng đồng với sự hỗ trợ của UBND xã tổ chức đấu thầu bán gỗ.												
	Phân chia lợi ích trong cộng đồng theo quy ước												
Tổng số cây khai thác thương mại					Sóng	1675	940				735		

7. Tổ chức thực hiện và chia sẻ lợi ích trong cộng đồng

Phân công nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của kế hoạch quản lý rừng

STT	Hoạt động	Trách nhiệm	
		Hộ gia đình	Ban quản lý rừng cộng đồng
1	Bảo vệ rừng	- Khi lên rẫy kết hợp với điều tra rừng. - Tích cực tham gia BVR cùng BQL rừng cộng đồng. - Khi đốt nương không để cháy lan vào rừng. - Phải chú ý khi có người lạ vào rừng.	- Tuyên truyền bảo vệ, phòng chống cháy rừng. - Huy động thành viên tuần tra theo định kỳ. - Có chấm công các thành viên tham gia bảo vệ rừng. - Phải chú ý khi có người lạ vào rừng.
2	Phát triển rừng	- Bảo vệ rừng trồng. - Các hộ gia đình tự bỏ công trồng rừng, làm giàu rừng - Các hộ gia đình có trách nhiệm chăm sóc rừng trồng, rừng làm giàu	- Huy động các hộ trồng và làm giàu rừng. - Liên hệ UBND xã tìm nguồn giống. - Có sổ ghi chép số lượng trồng của các hộ.
3	Khai thác sử dụng rừng	- Các hộ gia đình cùng tham gia đi chọn cây. - Làm đơn xin khai thác gỗ làm nhà - Tự khai thác đối với gỗ gia dụng. - Cử người tham gia vào bài cây, vệ sinh rừng	- Cử người chọn cây khai thác - Xác minh đơn xin khai thác gỗ gia dụng của các hộ trước khi chuyên lên UBND xã. - Điều phối, giám sát đánh giá và báo cáo tiến trình sử dụng rừng.
4	Phân chia lợi ích	- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của cộng đồng. - Khai thác gỗ gia dụng đúng số lượng và qui cách. - Chấp hành sự phân chia lợi ích theo quy ước.	- Phối hợp với xã tổ chức đấu giá gỗ công khai. - Tổ chức giám sát khai thác gỗ gia dụng và thương mại. - Quản lý kinh phí, quỹ phát triển rừng cộng đồng - Xác minh nhu cầu gỗ gia dụng trong buôn và lập thủ tục đầy đủ. - Phân chia lợi ích theo quy ước.

Quyền lợi, chia sẻ lợi ích

i) *Phân chia lợi ích trong gỗ gia dụng:*

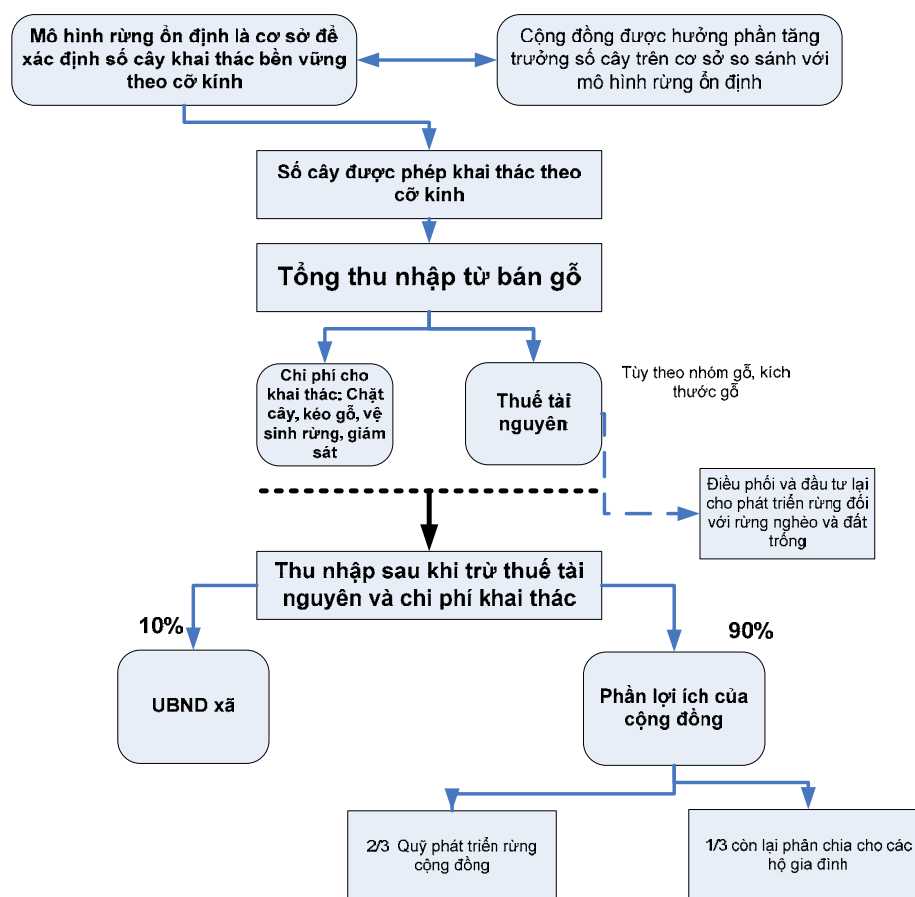
Hộ gia đình khai thác gỗ làm nhà, gia dụng được cộng đồng bình xét hàng năm, và phải khai thác theo đúng số lượng cây, cấp kính màu, vị trí lô rừng theo kế hoạch.

ii) *Phân chia lợi ích trong khai thác gỗ thương mại:*

Gỗ thương mại được cộng đồng tổ chức khai thác theo kế hoạch, giấy phép được phê duyệt và phân chia lợi ích trong cộng đồng như sau:

Tiền thu được từ bán gỗ sau khi trừ đi chi phí khai thác (chặt hạ, cắt khúc, công vệ sinh rừng, giám sát; vận xuất, vận chuyển) và thuế tài nguyên, được phân chia:

- 10% được trích cho UBND xã để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng
- 90% là lợi ích của cộng đồng thôn, được phân chia như sau:
 - o 2/3 làm Quỹ phát triển rừng cộng đồng
 - o 1/3 còn lại được phân chia cho các hộ gia đình trong thôn



Quyền hưởng lợi và phân chia lợi ích trong khai thác gỗ thương mại ở rừng cộng đồng

Quản lý quỹ phát triển rừng cộng đồng

Được thực hiện theo quy ước bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng, cụ thể là:

Quỹ phát triển rừng cộng đồng được hình thành từ khai thác gỗ thương mại và các hoạt động kinh doanh rừng khác của cộng đồng.

- i) **Sử dụng Quỹ phát triển rừng cộng đồng:** Quỹ được sử dụng và các hoạt động chung trong bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng, bao gồm:
- Trả công cho Ban quản lý rừng cộng đồng, các tổ trưởng, phó bảo vệ rừng và các thành viên hộ gia đình tham gia các hoạt động quản lý bảo vệ rừng như: Khai thác, vệ sinh rừng, giám sát, tuần tra bảo vệ rừng, quản lý. Trong đó tiền công của Ban quản lý rừng cộng đồng gấp 1,3 lần và của tổ trưởng, phó gấp 1,1 lần hộ bình thường.
 - Làm các công trình, biển báo quản lý bảo vệ rừng
 - Mua đồng phục, vật tư cho công tác tuần tra bảo vệ rừng.
 - Mua cây giống phục vụ trồng rừng và làm giàu rừng.

- Mua sắm thiết bị, dụng cụ sản xuất lâm nghiệp
- Chi cho các hoạt động khác phục vụ quản lý bảo vệ rừng cộng đồng
- Chi cho khen thưởng.

ii) *Quản lý Quỹ phát triển rừng cộng đồng:*

- Mở tài khoản ở ngân hàng với tên là Ban quản lý rừng cộng đồng Buôn Tul trưởng ban quản lý rừng cộng đồng làm chủ tài khoản. Tài khoản có hai chữ ký, một của trưởng ban và một của thủ quỹ buôn.
- Việc rút tiền để sử dụng phải thông qua họp cộng đồng, có kế hoạch và được sự đồng ý của UBND xã.
- Trưởng Ban quản lý rừng cộng đồng chịu trách nhiệm về việc thu chi, có thủ quỹ.
- Các khoản thu chi phải được ghi chép đầy đủ và phiếu thu chi.
- Định kỳ sáu tháng họp dân một lần để thông báo công khai tài chính có sự giám sát của UBND xã.

8. Kết luận, kiến nghị

Kết luận

Kế hoạch quản lý rừng 5 năm của buôn Tul được xây dựng trên cơ sở đánh giá tài nguyên rừng và nhu cầu cộng đồng, kết quả cho thấy có khả năng đáp ứng nhu cầu về gỗ sử dụng trong đời sống của cộng đồng và khai thác cho mục đích thương mại để tạo thu nhập cho hộ gia đình và xây dựng quỹ phát triển quản lý rừng cộng đồng. Rừng được lập kế hoạch quản lý bền vững trong 5 năm, thu hút sự tham gia của người dân buôn Tul vào bảo vệ rừng, phát triển rừng và khai thác sử dụng bền vững các lô rừng được giao.

Đồng thời với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan chức năng có liên quan, cộng đồng có khả năng tổ chức bảo vệ và phát triển rừng trong 5 năm đến theo kế hoạch đã lập.

Kiến nghị

Các bước tiếp theo cần làm để hỗ trợ cộng đồng thực hiện kế hoạch và phân chia lợi ích là:

- UBND huyện phê duyệt Quy ước bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng và phê duyệt kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm, kế hoạch khai thác gỗ thương mại 5 năm và năm 2008.
- UBND xã phê duyệt kế hoạch quản lý rừng năm 2008
- Tổ chức cộng đồng thực hiện Quy ước và kế hoạch

Đại diện tổ công tác huyện

Đại diện Ban Quản lý rừng cộng đồng buôn Tul

9. Các phụ lục (Dùng để tham khảo)

Biểu 1: Tổng hợp số liệu các lô rừng

Tên làng, thôn	Tul	Tên lô rừng (Địa phương, kỹ thuật)	Cư Tê M'nam	Khoảnh		Tiểu khu	1204	Diện tích lô (ha)	37
Trạng thái (Địa phương, kỹ thuật)	IIIA ₂ (Grôi M'Nâm)	3 loài cây chủ yếu	Giổi, Chò xốt, Dẽ, sp	Độ tàn che trung bình các ô mẫu	Trung bình	Mục đích quản lý lô rừng	Sản xuất gỗ lớn để làm nhà và thương mại		

Phân biệt	Loài cây	Khả năng cho gỗ	Vàng 10 – 19,9		Kẻ sọc 20 – 29,9		Chấm 30 – 40		Sóng >40cm	
			Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của cả ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô
Loài cây gỗ (có dấu *)	Giổi, Chò xốt, sp	☺	146	292/10.804	83	116/6.142	28	56/2.072	58	116/4.292
Cây không cho gỗ		☹								
Tổng số cây/ha và lô				292/10.804		116/6.142		56/2.072		116/4.292

Ngày tổng hợp: 15/07/2008 Người tổng hợp: Nhóm 1.

Biểu 2: Tổng hợp số liệu các lô rừng

Tên làng, thôn	Tul	Tên lô rừng (Địa phương, kỹ thuật)	Păng Teh M'nam	Khoảnh		Tiểu khu	1204	Diện tích lô (ha)	67
Trạng thái (Địa phương, kỹ thuật)	IIIA ₂ (Grôi M'Nam)	3 loài cây chủ yếu	Giỏi, Chò xốt, Dẻ, sp	Độ tàn che trung bình các ô mẫu	Trung bình	Mục đích quản lý lô rừng	Sản xuất gỗ lớn để làm nhà và thương mại		

Phân biệt	Loài cây	Khả năng cho gỗ	Vàng 10 – 19,9		Kẻ sọc 20 – 29,9		Chấm 30 – 40		Sóng >40cm	
			Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô
Loài cây gỗ (có dấu *)	Giỏi, Chò xốt, sp	☺	157	340/22.780	74	160/10.720	37	82/5.494	60	113/8.911
Cây không cho gỗ		☹	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số cây/ha và lô				340/22.780		160/10.720		82/5.494		113/8.911

Ngày tổng hợp: 15/07/2008 Người tổng hợp: Nhóm 2

Biểu 3: Tổng hợp số liệu các lô rừng

Tên làng, thôn	Tul	Tên lô rừng (Địa phương, kỹ thuật)	Dã M'Điêng	Khoảnh	6	Tiểu khu	1204	Diện tích lô (ha)	49
Trạng thái (Địa phương, kỹ thuật)	IIIA₂ (Grôi M'Nâm)	3 loài cây chủ yếu	Giổi, Chò xốt, sp	Độ tàn che trung bình các ô mẫu	Trung bình	Mục đích quản lý lô rừng	Sản xuất gỗ lớn để bán thương mại và làm nhà		

Phân biệt	Loài cây	Khả năng cho gỗ	Vàng 10 – 19,9		Kẻ sọc 20 – 29,9		Chấm 30 – 40		Sóng >40cm	
			Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô
Loài cây gỗ (có dấu *)	Giổi, Chò xốt, sp	☺	32	320/17.600	19	190/10.450	12	120/6.600	10	100/5.500
Cây không cho gỗ		☹								
Tổng số cây/ha và lô				320/15.680		190/9.310		120/5.880		100/4.900

Ngày tổng hợp: 15/07/2008 Người tổng hợp: Nhóm 3

Biểu 4: Tổng hợp số liệu các lô rừng

Tên làng, thôn	Tul	Tên lô rừng (Địa phương, kỹ thuật)	Lâm Dã	Khoảnh	6	Tiểu khu	1204	Diện tích lô (ha)	65
Trạng thái (Địa phương, kỹ thuật)	IIIA ₂ (Grôi M'Nâm	3 loài cây chủ yếu	Giỏi, Chò xốt, sp	Độ tàn che trung bình các ô mẫu	Trung bình	Mục đích quản lý lô rừng	Sản xuất gỗ lớn		

Phân biệt	Loài cây	Khả năng cho gỗ	Vàng 10 – 19,9		Kẻ sọc 20 – 29,9		Chấm 30 – 40		Sóng >40cm	
			Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô	Số cây của các ô mẫu	Tổng số cây của ha và lô
Loài cây gỗ (có dấu *)	Giỏi, Chò xốt, sp	☺	50	250/26.500	23	115/12.190	18	90/9.540	15	75/7950
Cây không cho gỗ		☹	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số cây/ha và lô				250/16.250		115/7.475		90/5.850		75/4.875

Ngày tổng hợp: 15/07/2008 Người tổng hợp: Nhóm 4

Phụ lục 2: Kết quả mô tả và phân tích lô rừng:

Biểu Mô tả lô rừng 1

Ngày	14/7/2008	Tiểu khu	1204
Tỉnh	Đắk Lắk	Khoảnh	3
Huyện	Krông Bông	Lô	Cư Tê Pda
Xã	Yang Mao	Diện tích/trạng thái	76 ha/ Grôi Pda/IIIA1
Thôn	Tul	Người ghi chép	Nguyễn Công Tài Anh

Mục đích sử dụng chính		Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giá	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
				x
Tiếp cận		Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
		Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
				x
Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng		Một số đặc trưng	
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
				x
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa	Tre/nứa: trung bình	Tre/nứa: dày
		Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
x				
Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ	
	Giổi		Cám vàng	
	Hương		Trâm	
	Mít rừnứngao ngựa		Lông mức	
Độ tàn che	Ka jóc			
	Thưa		Dày	
	x			

Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
		x		
Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)	Khó (dốc nhiều)	
			x	
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?		có x	không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Giỗ, Chò xót			
	Lâm sản ngoài gỗ: Lá bép, Mây rác, Lò ô, Le			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây x	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Cư Tê Pda
Mục tiêu quản lý	- Nuôi dưỡng bảo vệ rừng. - Bảo vệ nguồn nước suối Ea Găm
Vấn đề/ khó khăn	- Xa khu dân cư - Địa hình dốc, có nhiều đá nên khó khăn trong công tác quản lý bảo vệ và khai thác.
Thuận lợi/ Cơ hội	- Ít bị xâm lấn, phá rừng - Được suối Ea Găm bao quanh
Giải pháp	- Phòng chống cháy vào mùa khô - Mở đường mòn phục vụ công tác bảo vệ.

Biểu Mô tả lô rừng 2

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	2
Lô	Cư Tê M'Nâm
Diện tích/trạng thái	37 ha/ Grôi M'Nâm/IIIA2
Người ghi chép	Nguyễn Công Tài Anh

Mục đích sử dụng chính	Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ	
			x	
Tiếp cận	Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?			
	Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)	
	x			
Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng chưa qua khai thác ít tác động,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Nguyên sinh
				x
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính ≥ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
				x
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Tre/nứa: trung bình Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Tre/nứa: dày Gỗ: Có cây đường kính ≥ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ	
	Giổi, Song ngựa Chò xốt, Ka Jóc, Kẽ sọc		Trám Vàng Sâm	
Độ tàn che	Thưa		Dày	
	x			
Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
		x		

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)
				x
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có x
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Gỗ: Lâm sản ngoài gỗ: Song mây, lá bép			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Cư Tê M'Nâm
Mục tiêu quản lý	- Nuôi dưỡng bảo vệ rừng, khai thác gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ
Vấn đề/ khó khăn	- Xa buôn, Địa hình dốc, khó khăn trong bảo vệ, khai thác, vận chuyển.
Thuận lợi/ Cơ hội	- Rừng có nhiều cây gỗ lớn có giá trị. - Số lượng cây tái sinh nhiều. - Có ranh giới khá rõ ràng (suối Ea Găm và đường mòn)
Giải pháp	- Khai thác chọn hợp lý để lấy gỗ - Cần có quy ước bảo vệ và phát triển rừng - Không được phát nương, làm rẫy - Phòng chống cháy vào mùa khô

Biểu Mô tả lô rừng 3

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	4
Lô	Grôi Tla
Diện tích/trạng thái	50 ha/ Grôi Loa/Ic + le
Người ghi chép	Nguyễn Công Tài Anh

Mục đích sử dụng chính		Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giá	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
				x
Tiếp cận		Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
		Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
		x		
Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng		Một số đặc trưng	
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Tre/nứa: trung bình Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Tre/nứa: dày Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
				x
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
			x	
Loài cây		tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ
		Mít rừng, Kơ nia, Cà na Thành ngạnh		
Độ tàn che		Thưa		Dày
		x		
Khoảng trống trong rừng		Không có	Ít	Nhiều
				x

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)
				x
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			Có x không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Gỗ: chò xốt, dẻ Lâm Lồ ô, Đót			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây x	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Grôi Tla
Mục tiêu quản lý	- Trồng rừng, nuôi dưỡng, bảo vệ - Khai thác lâm sản phục vụ đời sống.
Vấn đề/ khó khăn	- Là rừng tre nứa nên xảy ra cháy rừng hàng năm. - Địa hình dốc
Thuận lợi/ Cơ hội	- Gần buôn nên thuận lợi cho việc khai thác lồ ô, lá bép, đót - Ranh giới rõ ràng nên dễ xác định (nằm trên đường đi và suối Ea Chay)
Giải pháp	- Không được đốt nương làm rẫy. - Phòng chống cháy rừng vào mùa khô - Không được chặn thả gia súc. - Có quy ước bảo vệ và phát triển rừng.

Biểu Mô tả lô rừng 4

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	4
Lô	Păng Ten M'Nâm
Diện tích/trạng thái	67 ha/Grôi M'Nâm/IIIA2
Người ghi chép	Nguyễn Đình Thông

Mục đích sử dụng chính	Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
			x
Tiếp cận	Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
	Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
		x	

Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng chưa qua khai thác ít tác động,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Nguyên sinh
				x
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Tre/nứa: trung bình Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Tre/nứa: dày Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày

Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ	
	Giổi, Xa Xị Đẽ, Chò sọt, Sao		Kơ nia	
Độ tàn che	Thưa		Dày	
			x	
Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
		x		

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không				
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)	
		x			
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có x	không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.				
	Gỗ: Gổi, Chò sát				
	Lâm sản ngoài gỗ: Mây, lá pép				
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?				
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x	

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cò, cây cò bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Păng Ten M'Nâm
Mục tiêu quản lý	- Khai thác gỗ gia dụng và thương mại. - Sử dụng lâm sản người gỗ: Song mây, lá bép.
Vấn đề/ khó khăn	- Đường đi lại khó khăn, dốc - Bị tác động: một số ít hộ khai thác gỗ làm nhà chưa kiểm soát được.
Thuận lợi/ Cơ hội	- Có thể khai thác gỗ làm nhà và bán trong tương lai. - Gần đường mòn
Giải pháp	- Chặt chọn hợp lý để khai thác gỗ. - Đẩy mạnh tái sinh những loài cây gỗ có giá trị kinh tế - Xây dựng qui ước bảo vệ và phát triển rừng. - Lập kế hoạch quản lý rừng.

Biểu Mô tả lô rừng 5

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	3
Lô	Păng Ten Loa
Diện tích/trạng thái	53 ha/ Grôi Loa/Ic + Ie
Người ghi chép	Nguyễn Đình Thông

Mục đích sử dụng chính	Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
			x
Tiếp cận	Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
	Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
			x

Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng gỗ thưa trên núi cao,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
			x	
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Tre/nứa: trung bình Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Tre/nứa: dày Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày

Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ	
	Gỗ Đẽ		Si Kơ ro	
Độ tàn che	Thưa		Dày	
	X			
Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
			x	

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)
				x
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có x không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Lâm sản ngoài gỗ: Mây, lô ô			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cò, cây cò bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Đăk Pui
Mục tiêu quản lý	- Khoanh nuôi, quản lý bảo vệ - Sử dụng lâm sản ngoài gỗ để làm nhà
Vấn đề/ khó khăn	- Địa hình dốc và xa buôn nên khó khăn trong việc đi lại - Người ngoài buôn thường đến khai thác lâm sản ngoài gỗ
Thuận lợi/ Cơ hội	- Bảo vệ nguồn nước đầu nguồn (suối Ea Găm) - Trong tương lai có thu nhập từ khai thác song mây - Ít bị tác động
Giải pháp	- Xác định ranh giới của lô rừng với VQG Chư Yang Sin - Có qui ước bảo vệ và phát triển rừng - Nghiêm cấm phá rừng làm nương rẫy - Bảo vệ và phát triển LSNG

Biểu Mô tả lô rừng 6

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	6
Lô	Da H'Diêng
Diện tích/trạng thái	49 ha/ M'Nâm/IIIA2
Người ghi chép	Trần Quang Quân

Mục đích sử dụng chính		Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
				x
Tiếp cận		Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
		Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
				x
Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng chưa qua khai thác ít tác động,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Nguyên sinh
				x
	Rừng gỗ đã qua khai thác (tác động ít)	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Tre/nứa: trung bình Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Tre/nứa: dày Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ	
	Giổi, Sao Thông, Bời lời trắng		Ké Lơ Krúc	
Độ tàn che	Thưa		Dày	
			x	
Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
		x		

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)
				x
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có x không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Gỗ: Giổi, Sao, Thông			
	Lâm sản ngoài gỗ: Mây, Lá pép			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Da H'Diêng		
Mục tiêu quản lý	- Kinh doanh gỗ lớn làm nhà và bán thương mại - Giữ nước cho suối Ea Chay - Khoanh nuôi tái sinh không trồng bổ sung		
Vấn đề/ khó khăn	- Địa hình dốc và xa buôn nên khó khăn trong việc đi lại		
Thuận lợi/ Cơ hội	- Có nhiều cây gỗ lớn để kinh doanh gỗ thương mại và làm nhà		
Giải pháp	- Quản lý bảo vệ nghiêm ngặt để giữ rừng, kinh doanh gỗ lớn và giữ nước cho suối Ea Chay.		

Biểu Mô tả lô rừng 7

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	6
Lô	Loa N'hô
Diện tích/trạng thái	21 ha/ Grôi Loa/Ic + Ie
Người ghi chép	Nguyễn Công Tài Anh

Mục đích sử dụng chính	Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
			x
Tiếp cận	Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
	Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
		x	

Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa	Tre/nứa: trung bình	Tre/nứa: dày
		Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
			x	

Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ	
	Thông		Sao Ngựa, Mít rừng, Giổi nước	
Độ tàn che	Thưa		Dày	
	X			
Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
		x		

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)
				x
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có x
				không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Gỗ: Giổi, Thông Lâm sản ngoài gỗ: Song mây			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây x	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Loa N'ho
Mục tiêu quản lý	- Quản lý, bảo vệ rừng - Tuyên truyền công tác phòng chống cháy rừng cho người dân
Vấn đề/ khó khăn	- Khó khai thác các loại lâm sản trong lô - Địa hình dốc
Thuận lợi/ Cơ hội	- Nằm trên đường đi đèo thông - Lấy nứa, song mây phục vụ gia đình
Giải pháp	- Có quy ước bảo vệ phát triển rừng. - Phòng chống cháy rừng vào mùa khô - Không được chặn thả gia súc. - Có quy ước bảo vệ và phát triển rừng.

Biểu Mô tả lô rừng 8

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	6
Lô	Lam Dha
Diện tích/trạng thái	65 ha/ M'Nâm/IIIA2
Người ghi chép	Trần Mậu Quyết

Mục đích sử dụng chính		Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
				x
Tiếp cận		Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
		Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
			x	
Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng chưa qua khai thác ít tác động,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Nguyên sinh bị tác động nhẹ
				x
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Tre/nứa: trung bình Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Tre/nứa: dày Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ	
	Thông, Giổi Chò sóc		Si Runh Si Tnrăn	
Độ tàn che	Thưa		Dày	
			x	
Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
		x		

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)
				x
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có x không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Gỗ: Thông, chò xót, Giổi			
	Lâm sản ngoài gỗ: Mây, Lá pệp			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Lam Dha
Mục tiêu quản lý	- Chặt chọn và bảo vệ rừng
Vấn đề/ khó khăn	- Địa hình dốc và xa buôn nên khó khăn trong việc đi lại. - Quản lý, bảo vệ khai thác gặp nhiều khó khăn
Thuận lợi/ Cơ hội	- Có nhiều cây gỗ lớn có giá trị
Giải pháp	- Chặt chọn, tỉa thưa, khoanh nuôi bảo vệ - Liên kết với các đơn vị có đủ điều kiện để khai thác

Biểu Mô tả lô rừng 9

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	6
Lô	Loa Ktum
Diện tích/trạng thái	47 ha/ Grôi Loa/Ic + le
Người ghi chép	Trần Mậu Quyết

Mục đích sử dụng chính	Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
			x
Tiếp cận	Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
	Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
	x		

Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
			x	x
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa	Tre/nứa: trung bình	Tre/nứa: dày
		Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
				x
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
		x		

Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ	
			Si Kră, Si M'ňang, Si Chă Si Ghoi, Si Pkung	
Độ tàn che	Thưa		Dày	
	x			
Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
		x		

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)
				x
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có x không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Lâm sản ngoài gỗ: Tre, lồ ô			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây x	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Loa Ktum
Mục tiêu quản lý	- Trồng rừng: loài cây: keo, bạch đàn (chủ yếu), xen với các loại cây: Sao, hương
Vấn đề/ khó khăn	- Địa hình dốc và xa buôn nên khó khăn trong việc đi lại. - Có nhiều đá lớn. - Quản lý, bảo vệ khai thác gặp nhiều khó khăn - Thiếu vốn và thiếu kỹ thuật ươm và trồng rừng
Thuận lợi/ Cơ hội	- Gần buôn - Có đủ nguồn nhân lực - Được sự hỗ trợ của các chương trình và dự án
Giải pháp	- Giao cho từng hộ gia đình trồng và quản lý, chăm sóc theo diện tích đăng ký. - Mua hạt giống để tự gieo ươm cây con - Trích nguồn ngân sách của cộng đồng để mua hạt giống và chăm sóc rừng trồng.

Biểu Mô tả lô rừng 10

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	8
Lô	Grôi Klong
Diện tích/trạng thái	128 ha/ Grôi Pda/IIIA1
Người ghi chép	Nguyễn Đình Thông

Mục đích sử dụng chính	Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
			x
Tiếp cận	Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
	Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
		x	

Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa	Tre/nứa: trung bình	Tre/nứa: dày
		Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
			x	
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
			x	

Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn	Tên loài cây cho gỗ nhỏ
	Hồng Tùng (Long Ka Pông), Trâm (Long Hơ rêng), Chò xót (Long ta mót) Dẻ (Long Ka sa)	Dẻ (Long Ka sa eo) Trâm trắng
Độ tàn che	Thưa	Dày
		x

Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
	x			
Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)	Khó (dốc nhiều)	
			x	
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?		có x	không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Gỗ: K lông, K rái, Bời lời			
	Lâm sản ngoài gỗ: Lô ô			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Grôi Klong
Mục tiêu quản lý	- Bảo vệ và làm giàu rừng
Vấn đề/ khó khăn	- Đường đi lại khó khăn, dốc - Rừng nghèo, cây nhỏ, mọc rải rác
Thuận lợi/ Cơ hội	- Gần buôn, dễ quản lý bảo vệ. - Trồng rừng tăng thu nhập trong tương lai - Có thể khai thác gỗ làm nhà trong tương lai.
Giải pháp	- Xây dựng qui ước bảo vệ và phát triển rừng - Tiến hành trồng rừng và làm giàu rừng - Bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

Biểu Mô tả lô rừng 11

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	9
Lô	Grôi N'hô
Diện tích/trạng thái	69 ha/ Grôi Pda/IIIA1
Người ghi chép	Trần Quang Quân

Mục đích sử dụng chính	Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
			x
Tiếp cận	Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
	Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
			x

Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng	Một số đặc trưng		
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
				x
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa	Tre/nứa: trung bình	Tre/nứa: dày
		Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày

Loài cây	tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ
	Giổi Thông Bời lời		Dẻ Bứa Trâm
Độ tàn che	Thưa		Dày
			x

Khoảng trống trong rừng	Không có	Ít	Nhiều	
		x		
Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)	Khó (dốc nhiều)	
			x	
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?		có x	không
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Gỗ: Thông, Giổi			
	Lâm sản ngoài gỗ: Lô ô, Tre nưa, lá pép			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Grôi N'ho
Mục tiêu quản lý	- Kinh doanh gỗ lớn, làm nhà và bán thương mại, giữ nước cho suối Ea M'Hat - Khoanh nuôi tái sinh
Vấn đề/ khó khăn	- Địa hình dốc và xa buôn nên khó khăn trong việc đi lại
Thuận lợi/ Cơ hội	- Có nhiều cây gỗ lớn để kinh doanh gỗ thương mại và làm nhà
Giải pháp	- Quản lý bảo vệ nghiêm ngặt để giữ rừng, kinh doanh gỗ lớn và giữ nước cho suối Ea M'Hat.

Biểu Mô tả lô rừng 12

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	8
Lô	Grôi Jơ ư
Diện tích/trạng thái	105 ha/ Grôi Pda/IIIA1
Người ghi chép	Trần Mậu Quyết

Mục đích sử dụng chính		Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giá	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
			x	
Tiếp cận		Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
		Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
				x
Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng		Một số đặc trưng	
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa	Tre/nứa: trung bình	Tre/nứa: dày
		Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
			x	
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
		x		
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
x				
Loài cây		tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ
		Sao,Giổi		Dẻ, Si Ruhn
		Chò xót , Dẻ		Si Tnăn
Độ tàn che		Thưa		Dày
		X		
Khoảng trống trong rừng		Không có	Ít	Nhiều
			x	

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không			
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)
				x
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có x
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			không
	Gỗ: Giổi, Chò sát			
	Lâm sản ngoài gỗ: Mây, lá pép, le, lồ ô			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Grôi Jơ ỹ
Mục tiêu quản lý	- Khoanh nuôi, bảo vệ rừng đầu nguồn
Vấn đề/ khó khăn	- Địa hình dốc và xa buôn nên khó khăn trong việc đi lại. - Có nhiều đá lớn. - Quản lý, bảo vệ khai thác gặp nhiều khó khăn
Thuận lợi/ Cơ hội	- Có nhiều cây gỗ có giá trị cao (Sao, giổi)
Giải pháp	- Quản lý bảo vệ nghiêm ngặt để giữ nước đầu nguồn

Biểu Mô tả lô rừng 13

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	8
Lô	Da Koi
Diện tích/trạng thái	110 ha/ Grôi Loa/Ic + Ic
Người ghi chép	Trần Quang Quân

Mục đích sử dụng chính		Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giá	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
				x
Tiếp cận		Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
		Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
				x
Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng		Một số đặc trưng	
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính ≥ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Tre/nứa: trung bình Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Tre/nứa: dày Gỗ: Có cây đường kính ≥ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
				x
		Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.
				x
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
				x
Loài cây		tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ
				Giẻ, Bời lời, Tre, Nứa
Độ tàn che		Thưa		Dày
		x		x
Khoảng trống trong rừng		Không có	Ít	Nhiều
			x	
Độ dốc		Đi trong lô rừng có dễ dàng không		

	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)	Khó (dốc nhiều)	
			x	
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?		có	Không x
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.			
	Lâm sản ngoài gỗ: nứa, lồ ô			
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?			
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Da Kơi			
Mục tiêu quản lý	- Kinh doanh lâm sản phụ làm dụng cụ sản xuất cho gia đình			
Vấn đề/ khó khăn	- Địa hình dốc và xa buôn nên khó khăn trong việc đi lại			
Thuận lợi/ Cơ hội	- Có nhiều cây le, tre lớn để khai thác lâm sản phụ và bán thương mại			
Giải pháp	- Quản lý bảo vệ			
	- Kêu gọi các công ty có nhu cầu thu mua lâm sản phụ			

Biểu Mô tả lô rừng 14

Ngày	14/7/2008
Tỉnh	Đắk Lắk
Huyện	Krông Bông
Xã	Yang Mao
Thôn	Tul

Tiểu khu	1204
Khoảnh	9
Lô	Lơ Rueh
Diện tích/trạng thái	87 ha/ Grôi Loa/Ic + le
Người ghi chép	Trần Quang Quân

Mục đích sử dụng chính		Văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tôn giá	Rừng phòng hộ ít xung yếu	Rừng sản xuất gỗ
				x
Tiếp cận		Mất bao lâu để đi từ thôn bản tới lô rừng?		
		Ít hơn 1 giờ (< 5km)	Từ 1 tới 2 giờ (từ 5 tới 10km)	Hơn 2 giờ (trên 10km)
				x
Loại rừng & một số đặc trưng về lô rừng	Loại rừng		Một số đặc trưng	
	Rừng non phục hồi sau nương rẫy,	thời gian phục hồi dưới 5 năm	phục hồi 5-10 năm	Phục hồi trên 10 năm
	Rừng gỗ đã qua khai thác	Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	có cây đường kính từ 15-đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
			x	
	Rừng hỗn giao gỗ tre/nứa	Tre/nứa: thưa Gỗ: Chỉ có cây đường kính nhỏ hơn 15cm	Tre/nứa: trung bình Gỗ: có cây đường kính từ 15 cm đến đường kính tối thiểu cho phép khai thác	Tre/nứa: dày Gỗ: Có cây đường kính $\geq$ đường kính tối thiểu cho phép khai thác
				x
	Rừng tre/nứa: - đường kính.	- Nứa tép.	- Nứa vừa.	- Nứa to
				x
	Mật độ	- Thưa	- Trung bình	- Dày
			x	
Loài cây		tên loài cây cho gỗ lớn		Tên loài cây cho gỗ nhỏ
				Dẻ, Kơ nia, Giổi
Độ tàn che		Thưa		Dày
				x
Khoảng trống trong rừng		Không có	Ít	Nhiều
			x	

Độ dốc	Đi trong lô rừng có dễ dàng không				
	Dễ (dốc ít)	bình thường (dốc trung bình)		Khó (dốc nhiều)	
			x		
Lâm sản	Có thể khai thác lâm sản tại lô rừng này trong vòng 5 năm tới không?			có	Không x
	Nếu khai thác được, cho biết 3 loại lâm sản chính bà con có thể khai thác được.				
	Lâm sản ngoài gỗ: Mây, lô ô				
Nguy cơ cháy rừng	Đã khi nào lô rừng bị cháy chưa?				
	trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 5 năm gần đây	không có trong vòng 10 năm gần đây	chưa bao giờ x	

Mức độ chặn thả	Kiểm tra tình hình chặn thả gia súc trong lô rừng thông qua các dấu hiệu như có phân gia súc, vết chân, cỏ, cây cỏ bị gặm nhấm...)			
	mức độ cao	mức độ trung bình	mức độ thấp	không có x

Biểu xác định mục tiêu quản lý lô rừng

Tên lô/ Số hiệu lô	Lơ Rueh
Mục tiêu quản lý	- Kinh doanh lâm sản phụ làm dụng cụ sản xuất cho gia đình
Vấn đề/ khó khăn	- Địa hình dốc và xa buôn nên khó khăn trong việc đi lại
Thuận lợi/ Cơ hội	- Có nhiều cây le, tre lớn để khai thác lâm sản phụ và bán thương mại
Giải pháp	- Quản lý bảo vệ - Kêu gọi các công ty có nhu cầu thu mua lâm sản phụ